

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHỆ SAO BẮC Đẩu**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

## MỤC LỤC

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 24



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu, tiền thân là Công ty TNHH Điện – Điện tử - Tin học Sao Bắc Đầu, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 12 năm 2010.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở Công ty được đặt tại Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2010 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội: Phòng 404, D10 Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 02 Quang Trung, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

### 2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Đức Quang	Chủ tịch
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Hoàng Hải Thịnh	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Đặng Nam Sơn	Thành viên

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trần Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hùng Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Phong	Phó Tổng Giám đốc

### 3. Tình hình kinh doanh năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.

### 6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2011

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN ANH TUẤN**

Số: 11.150/BCKT-2010

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Kính gửi:** Các thành viên Hội Đồng Quản Trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 4 đến trang 24 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2011



**K.T. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**LỤC THỊ VÂN**  
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**NGÔ THANH BÌNH**  
Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>212.318.822.870</b>	<b>191.433.558.762</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>10.442.030.032</b>	<b>9.448.385.515</b>
1. Tiền	111		10.442.030.032	9.448.385.515
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	5.2	<b>161.672.714.556</b>	<b>144.526.145.474</b>
1. Phải thu khách hàng	131		149.213.143.654	139.582.414.503
2. Trả trước cho người bán	132		9.345.207.553	3.966.629.666
3. Phải thu nội bộ	133		7.949.324	17.101.305
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		3.106.414.025	960.000.000
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>31.343.904.069</b>	<b>30.490.712.644</b>
1. Hàng tồn kho	141		31.343.904.069	30.490.712.644
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.860.174.213</b>	<b>6.968.315.129</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	3.923.861.865	2.819.822.502
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.919.016.909	780.702.990
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	3.017.295.439	3.367.789.637

(Phần tiếp theo trang 5)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>43.914.061.620</b>	<b>48.372.644.756</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>32.590.404.880</b>	<b>30.528.375.137</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	5.762.525.420	8.146.935.694
+ Nguyên giá	222		15.895.363.666	17.222.269.307
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.132.838.246)	(9.075.333.613)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7		11.540.056.601
+ Nguyên giá	228		1.090.547.330	12.607.116.530
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.090.547.330)	(1.067.059.929)
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	26.827.879.460	10.841.382.842
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.9	<b>11.323.656.740</b>	<b>17.844.269.619</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		14.729.067.050	17.929.067.050
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			1.224.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		400.000.000	400.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.805.410.310)	(1.708.797.431)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>256.232.884.490</b>	<b>239.806.203.518</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>165.990.857.358</b>	<b>181.476.069.091</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>165.990.857.358</b>	<b>181.476.069.091</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	64.375.517.686	98.855.325.362
2. Phải trả người bán	312	5.11	81.804.330.208	59.693.356.401
3. Người mua trả tiền trước	313	5.11	13.127.849.114	19.410.207.218
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	314	5.12	2.112.224.058	1.169.566.358
5. Phải trả người lao động	315	5.13	271.200.000	1.152.518.866
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317		7.949.324	17.101.305
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	4.291.786.968	1.177.993.581
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	5.15.1	<b>90.242.027.132</b>	<b>58.330.134.427</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>90.242.027.132</b>	<b>58.330.134.427</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.15.2	80.000.000.000	43.198.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.123.900	7.960.553.900
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(330.000)	(330.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(101.006.412)	(991.369.527)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		349.878.228	349.878.228
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.260.076.573	1.075.056.573
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.15.5	8.732.284.843	6.738.305.253
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>256.232.884.490</b>	<b>239.806.203.518</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU  
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		455,37	100,77
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2011

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**HỒ THỊ HỒNG HẠNH**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN ANH TUẤN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		281.800.426.317	313.277.089.797
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	281.800.426.317	313.277.089.797
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	225.213.496.358	261.187.717.730
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.586.929.959	52.089.372.067
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.450.029.981	1.218.217.260
7. Chi phí tài chính	22	6.4	15.744.500.503	10.967.417.819
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		6.651.821.033	6.533.014.246
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	12.410.590.771	11.654.287.183
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	24.033.519.699	25.881.136.077
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.848.348.967	4.804.748.248
11. Thu nhập khác	31	6.7	15.653.204.639	375.073.793
12. Chi phí khác	32	6.8	15.655.702.203	324.388.602
13. Lợi nhuận khác	40		(2.497.564)	50.685.191
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.845.851.403	4.855.433.439
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.506.966.313	683.475.098
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.338.885.090	4.171.958.341

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2011

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**HỒ THỊ HỒNG HẠNH**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN ANH TUẤN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		273.873.766.448	269.839.491.227
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(237.297.588.301)	(271.482.265.762)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.775.590.247)	(19.823.500.560)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6.651.821.033)	(6.533.014.246)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(683.475.098)	(3.802.426.317)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.002.177.978	3.204.859.716
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.316.258.427)	(324.388.602)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX - KD</b>	<b>20</b>		<b>9.151.211.320</b>	<b>(28.921.244.544)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(20.845.812.579)	(3.568.723.995)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		15.424.991.460	50.035.439
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(1.413.445.332)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			301.553.445
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	7	(2.245.000.000)	(7.039.067.050)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7	6.747.720.000	9.538.950.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		648.680.287	775.166.461
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(269.420.832)</b>	<b>(1.355.531.032)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		28.842.530.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		194.537.469.727	224.977.748.551
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(229.108.260.198)	(199.452.737.927)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.159.885.500)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.888.145.971)</b>	<b>25.525.010.624</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>993.644.517</b>	<b>(4.751.764.952)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	5.1	<b>9.448.385.515</b>	<b>14.200.150.467</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	5.1	<b>10.442.030.032</b>	<b>9.448.385.515</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2011

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**HỒ THỊ HỒNG HẠNH**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN ANH TUẤN**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là Công ty), tiền thân là Công ty TNHH Điện – Điện tử - Tin học Sao Bắc Đầu, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 12 năm 2010.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở Công ty được đặt tại Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2010 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội: Phòng 404, D10 Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 02 Quang Trung, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

### 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

#### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chứng từ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

## 4. Các chính sách kế toán áp dụng

### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý như sau:

- Đối với tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

- Đối với các khoản nợ phải thu dài hạn bằng ngoại tệ: Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Đối với các khoản nợ phải trả dài hạn bằng ngoại tệ:

- + Trường hợp chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái thì chênh lệch tỷ giá hạch toán vào chi phí tài chính trong năm và tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì Công ty được phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

- + Trường hợp chênh lệch giảm thì được hạch toán vào thu nhập tài chính.

### 4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Máy móc thiết bị	2 - 3 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	4 năm
+ Phần mềm kế toán	3 năm

### 4.6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

### 4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

### 4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ dự trữ được trích lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

### 4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

### 4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

### 4.2. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này:

Kết quả hoạt động kinh doanh (trích)

	Năm trước (Phân loại lại)	Năm trước (Đã được trình bày trước đây)
Chi phí bán hàng	11.654.287.183	13.065.603.827
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.881.136.077	24.469.819.433

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

#### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.223.870.788	2.210.589.830
Tiền gửi ngân hàng	9.218.159.244	7.232.811.604
Tiền đang chuyển	-	4.984.081
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.442.030.032</b>	<b>9.448.385.515</b>

#### 5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	149.213.143.654	139.582.414.503
Trả trước cho người bán	9.345.207.553	3.966.629.666
Phải thu nội bộ ngắn hạn	7.949.324	17.101.305
Các khoản phải thu khác	3.106.414.025	960.000.000
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>161.672.714.556</b>	<b>144.526.145.474</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>161.672.714.556</b>	<b>144.526.145.474</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, khoản phải thu các bên liên quan có số tiền là 58.499.203.560 đồng.

Trả trước cho người bán bao gồm các khoản trả trước cho nhà cung cấp khi xây dựng Dự án Trung tâm tích hợp hệ thống tại Khu chế xuất Tân Thuận số tiền là 7.587.250.663 đồng.

Phải thu khác là khoản phải thu về tạm ứng bảo lãnh dự thầu.

#### 5.3. Hàng tồn kho

Là giá trị hàng hóa tại các địa điểm sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng tại kho Công ty	24.941.979.790	8.909.492.817
Hàng đã xuất kho và giao cho khách hàng	5.930.490.766	20.785.711.351
Kho theo dõi hàng cho thuê	361.060.178	729.513.343
Kho theo dõi hàng Hà Nội	110.373.335	65.995.133
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>31.343.904.069</b>	<b>30.490.712.644</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>31.343.904.069</b>	<b>30.490.712.644</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	206.041.404	326.263.095
Chi phí chờ kết chuyển	3.717.820.461	2.493.559.407
	<b><u>3.923.861.865</u></b>	<b><u>2.819.822.502</u></b>

Chi phí chờ kết chuyển là chi phí triển khai cho các dự án và sẽ được kết chuyển vào chi phí khi các dự án hoàn thành.

**5.5. Tài sản ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	1.597.347.950	1.743.463.714
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.419.947.489	1.624.325.923
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.017.295.439</u></b>	<b><u>3.367.789.637</u></b>

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	4.968.540.511	12.000.628.782	253.100.014	17.222.269.307
Mua trong năm	-	4.640.563.999	-	4.640.563.999
Thanh lý, nhượng bán	(4.968.540.511)	(998.929.129)	-	(5.967.469.640)
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>15.642.263.652</u></b>	<b><u>253.100.014</u></b>	<b><u>15.895.363.666</u></b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	1.006.515.296	8.012.573.867	56.244.450	9.075.333.613
Khấu hao trong năm	86.505.643	2.938.541.786	67.493.337	3.092.540.766
Thanh lý, nhượng bán	(1.093.020.939)	(942.015.194)	-	(2.035.036.133)
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>10.009.100.459</u></b>	<b><u>123.737.787</u></b>	<b><u>10.132.838.246</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	3.962.025.215	3.988.054.915	196.855.564	8.146.935.694
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>5.633.163.193</u></b>	<b><u>129.362.227</u></b>	<b><u>5.762.525.420</u></b>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.092.334.270 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	11.516.569.200	1.090.547.330	12.607.116.530
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(11.516.569.200)	-	(11.516.569.200)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>1.090.547.330</b>	<b>1.090.547.330</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	1.067.059.929	1.067.059.929
Khấu hao trong năm	-	23.487.401	23.487.401
Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>1.090.547.330</b>	<b>1.090.547.330</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	11.516.569.200	23.487.401	11.540.056.601
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.090.547.330 đồng.

**5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Dự án Trung tâm tích hợp hệ thống tại Khu chế xuất Tân Thuận	Cuối năm	Đầu năm
+ Tiền thuê đất	19.229.926.000	8.975.326.000
+ Chi phí xây dựng	5.156.040.917	43.895.636
+ Chi phí lãi vay	2.261.863.921	1.822.161.206
+ Chi phí khác	180.048.622	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.827.879.460</b>	<b>10.841.382.842</b>

Toàn bộ giá trị công trình xây dựng trên đất của Dự án Trung tâm tích hợp hệ thống tại Khu chế xuất Tân Thuận được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng – xem thêm mục 5.10.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	14.729.067.050	17.929.067.050
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	1.224.000.000
Đầu tư dài hạn khác	400.000.000	400.000.000
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>15.129.067.050</b>	<b>19.553.067.050</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(3.805.410.310)	(1.708.797.431)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11.323.656.740</b>	<b>17.844.269.619</b>

Đầu tư vào cổ phiếu công ty con được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu CTCP Công nghệ mạng Việt Thành Công	1.178.907	11.789.067.050	963.907	9.639.067.050
Cổ phiếu CTCP Công Nghệ Mạng & Thông Tin Việt	294.000	2.940.000.000	294.000	2.940.000.000
Cổ phiếu CTCP Học viện Sao Bắc Đầu	-	-	40.000	400.000.000
Công ty TNHH Tư vấn và đào tạo Netpro	-	-	495.000	4.950.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.472.907</b>	<b>14.729.067.050</b>	<b>1.792.907</b>	<b>17.929.067.050</b>

Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Skill Group với tỷ lệ vốn góp là 8%.

### 5.10. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	63.375.517.686	86.093.909.941
Vay đối tượng khác	1.000.000.000	12.761.415.421
<b>Tổng cộng</b>	<b>64.375.517.686</b>	<b>98.855.325.362</b>

Các khoản vay ngân hàng chịu lãi suất từ 10,5%/năm đến 15,3%/năm đối với khoản vay bằng VND và từ 4,1%/năm đến 7,5%/năm đối với khoản vay bằng USD. Các khoản vay này được bảo đảm bằng thư bảo lãnh của các cổ đông của Công ty và được thế chấp bằng:

- Công trình xây dựng văn phòng tại Khu Chế xuất Tân Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh – xem thêm mục 5.8.
- Tín chấp quản lý nguồn thu phát sinh từ các hợp đồng ký giữa Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu và một số nhóm khách hàng riêng biệt.
- Quyền sử dụng đất và tài sản của cá nhân gắn liền trên đất tại số 74/1A Hai Bà Trưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và số 34 Đặng Dung, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh (là tài sản của các cá nhân bảo lãnh).

Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân bằng VND dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất 14,5%/năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	81.804.330.208	59.693.356.401
Người mua trả tiền trước	13.127.849.114	19.410.207.218
<b>Tổng cộng</b>	<b>94.932.179.322</b>	<b>79.103.563.619</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

### 5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	338.340.569	202.181.609
Thuế nhập khẩu	91.895.463	111.185.561
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.506.966.313	683.475.098
Thuế nhà thầu	17.894.389	21.442.258
Thuế thu nhập cá nhân	157.127.324	151.281.832
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.112.224.058</b>	<b>1.169.566.358</b>

### 5.13. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 13 năm 2010 còn phải trả.

### 5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	363.635.316	374.316.641
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	248.501.800
Chi phí triển khai dự án	2.909.780.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.018.371.652	555.175.140
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.291.786.968</b>	<b>1.177.993.581</b>

(Phần tiếp theo trang 19)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ các trường hợp được ghi chú khác*

**5.15. Vốn chủ sở hữu**

**5.15.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	37.563.790.000	7.960.553.900	-	-	349.878.228	525.710.169	8.639.783.316	55.039.715.613
Tăng vốn trong năm trước	5.634.250.000	-	-	-	-	-	-	5.634.250.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	4.171.958.341	4.171.958.341
Mua lại cổ phiếu	-	-	(330.000)	-	-	-	-	(330.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(5.634.250.000)	(5.634.250.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	549.346.404	(549.346.404)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ	-	-	-	(991.369.527)	-	-	-	(991.369.527,00)
Khác	-	-	-	-	-	-	110.160.000	110.160.000
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>43.198.040.000</b>	<b>7.960.553.900</b>	<b>(330.000)</b>	<b>(991.369.527)</b>	<b>349.878.228</b>	<b>1.075.056.573</b>	<b>6.738.305.253</b>	<b>58.330.134.427</b>
Tăng vốn trong năm nay	36.801.960.000	(7.959.430.000)	-	-	-	-	-	28.842.530.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	4.338.885.090	4.338.885.090
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(2.159.885.500)	(2.159.885.500)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	185.020.000	(185.020.000)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ	-	-	-	890.363.115	-	-	-	890.363.115
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>1.123.900</b>	<b>(330.000)</b>	<b>(101.006.412)</b>	<b>349.878.228</b>	<b>1.260.076.573</b>	<b>8.732.284.843</b>	<b>90.242.027.132</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ đông sáng lập	25.322.760.000	21.880.630.000
Cổ đông khác	54.677.240.000	21.317.410.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>43.198.040.000</b>

### 5.15.3. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chia trên cổ phiếu phổ thông	2.159.885.500	5.634.250.000

Cổ tức đã chia trong năm nay là cổ tức của năm 2009, được chia bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5% vốn chủ sở hữu.

Ngoài ra, theo Quyết định số 04/2011/QĐ-HĐQT ngày 26 tháng 01 năm 2011, Công ty sẽ chia 5% cổ tức năm 2010 bằng tiền mặt cho các cổ đông.

### 5.15.4. Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	8.000.000	4.319.804
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8.000.000	4.319.804
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	33	33
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	7.999.967	4.319.771
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

### 5.15.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	6.738.305.253	8.639.783.316
Lợi nhuận sau thuế trong năm	4.338.885.090	4.171.958.341
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(185.020.000)	(549.346.404)
Chia cổ tức	(2.159.885.500)	(5.634.250.000)
Khác	-	(110.160.000)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>8.732.284.843</b>	<b>6.738.305.253</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

#### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	260.988.673.552	287.623.724.625
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.811.752.765	25.653.365.172
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>281.800.426.317</b>	<b>313.277.089.797</b>

#### 6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	214.493.770.060	242.219.875.994
Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.719.726.298	18.967.841.736
<b>Tổng cộng</b>	<b>225.213.496.358</b>	<b>261.187.717.730</b>

#### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	800.925.489	844.143.768
Thu từ chuyển nhượng vốn	489.600.000	254.444.444
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	159.504.492	119.629.048
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.450.029.981</b>	<b>1.218.217.260</b>

#### 6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.996.066.591	2.725.606.142
Chi phí lãi vay	6.651.821.033	6.533.014.246
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.096.612.879	1.708.797.431
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.744.500.503</b>	<b>10.967.417.819</b>

#### 6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	4.843.653.739	5.145.865.064
Chi phí đồ dùng văn phòng	219.187.419	211.689.730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.305.654.763	1.242.273.441
Chi phí bảo hành	528.477.508	349.604.661
Chi phí Pre-sales	1.120.991.085	1.492.648.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.462.029.272	459.779.115
Chi phí bằng tiền khác	2.930.596.985	2.752.426.972
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.410.590.771</b>	<b>11.654.287.183</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	15.766.002.211	16.008.411.673
Chi phí công cụ quản lý	227.991.607	370.976.940
Chi phí đồ dùng văn phòng	78.380.145	125.416.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.811.750.520	2.381.083.381
Chi phí thuế, phí, lệ phí	42.895.000	88.783.121
Phí chuyển tiền	291.514.834	518.976.106
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.023.112.386	3.402.556.473
Chi phí bằng tiền khác	1.791.872.996	2.984.941.191
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.033.519.699</b>	<b>25.881.136.077</b>

### 6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản cố định	15.424.718.730	45.702.686
Thu nhập khác	228.485.909	329.371.107
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.653.204.639</b>	<b>375.073.793</b>

Thu từ thanh lý tài sản cố định bao gồm khoản thu từ việc bán nhà 208 – 210 Khánh Hội, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 15.409.090.909 đồng.

### 6.8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý tài sản cố định	15.449.002.707	101.941.153
Chi phí khác	206.699.496	222.447.449
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.655.702.203</b>	<b>324.388.602</b>

Chi phí thanh lý tài sản cố định bao gồm giá trị còn lại của tòa nhà 208 – 210 Khánh Hội, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã bán với số tiền là 15.384.202.109 đồng.

(Phần tiếp theo trang 23)



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	5.845.851.403	4.855.433.439
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	171.539.059	41.508.075
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(101.006.412)	(991.369.527)
Trừ thu nhập khác (từ hoạt động đầu tư; mua bán BĐS)	(378.118.800)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	5.538.265.250	3.905.571.987
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.384.566.313	976.392.997
Trừ thuế TNDN được miễn giảm theo thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009	-	(292.917.899)
Cộng khoản thuế từ thu nhập khác	122.400.000	-
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b>1.506.966.313</b>	<b>683.475.098</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN.

### 7. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay	Năm trước
Mua công ty con		
▪ Tổng giá trị mua	2.245.000.000	7.039.067.050
▪ Giá trị mua được thanh toán bằng tiền	2.245.000.000	7.039.067.050
Thanh lý công ty con và công ty liên kết		
▪ Tổng giá trị thanh lý	8.118.600.000	2.038.950.000
▪ Giá trị thanh lý được thanh toán bằng tiền	6.747.720.000	9.538.950.000

### 8. Thông tin về các bên có liên quan

Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	735.096.000	715.684.606
Thu nhập của Tổng Giám đốc	454.848.800	451.260.120
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.189.944.800</b>	<b>1.166.944.726</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

## 9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

## 10. Các thông tin thuyết minh khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

## 11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 30 tháng 3 năm 2011

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2011

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**HỒ THỊ HỒNG HẠNH**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN ANH TUẤN**